TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 453/2026/DS-ST
Ngày: 20/08/2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Yến

Ông Nguyễn Duy Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên toà: Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 08 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2026/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 320/2026/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 05 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 2076/2026/QĐST-DS ngày 15 tháng 06 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 2475/2026/QĐST-DS ngày 07 tháng 07 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2849/2026/QĐST-DS ngày 30 tháng 07 năm 2026giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ trụ sở: Số B N, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đình L, chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hoàng Trung N, chức vụ: Phó giám đốc Khối Quản lý và T cấu trúc Tài sản theo Giấy ủy quyền số 10772/UQ-PVB ngày 10/6/2020 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đ.

Ông Nguyễn Hoàng Trung N ủy quyền lại cho (Theo Giấy ủy quyền số 3124/GUQ-CN HCM ngày 20/5/2026):

+ Ông A G, chức vụ: Giám đốc khách hàng, CCCD số: 062092005821 cấp ngày 18/10/2022;

+ Ông Trần Thanh T1, chức vụ: Chuyên viên quản lý khách hàng, CCCD số: 038092023246 cấp ngày 13/03/2022;

+ Ông Danh Huy H, chức vụ: Chuyên viên quản lý khách hàng, CCCD số: 091093003450 cấp ngày 11/08/2021;

+ Bà Lê Thị L1, chức vụ: Chuyên viên tố tụng; CCCD số: 026195001156 cấp ngày 09/05/2023;

+ Ông Trần Đức N1, chức vụ: Chuyên viên quản lý khách hàng, CCCD số: 040097019679 cấp ngày 10/05/2021.

Cùng địa chỉ: Ngân hàng TMCP Đ, số B L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Xuân T2, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số A, đường T, tổ E, khu phố D, phường T, tỉnh Đồng Nai (nay là 56, khu phố C, phường T, thành phố Đ).

(Ông H có mặt, bà T2 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ do ông Danh Huy H trình bày:

Ngày 27/10/2022, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (viết tắt là) và bà Lê Thị Xuân T2 đã ký kết hợp đồng tín dụng là Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng tín dụng số 6145/2022/HĐTD/PVB-CNGĐ-TTB ngày 27/10/2022. Theo nội dung thỏa thuận, cấp tín dụng cho bà Lê Thị Xuân T2 dưới các hình thức gồm khoản vay trả góp bằng lương, khoản vay thấu chi và khoản vay thẻ tín dụng.

Đối với khoản vay trả góp bằng lương: Hạn mức cho vay 140.000.000 đồng; ngày giải ngân là ngày 27/10/2022; thời hạn cho vay 60 tháng; mục đích vay là tiêu dùng; phương thức thanh toán bằng tiền mặt theo Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng tín dụng số 6145/2022/HĐTD/PVB-CNGĐ-TTB ngày 27/10/2022. Lãi suất cho vay từ ngày 27/10/2022 đến ngày 26/01/2023 là 16%/năm. Từ ngày 27/01/2023, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, theo thỏa thuận tại hợp đồng, bằng lãi suất cơ sở + biên độ 7%/năm. Theo thỏa thuận, lãi suất cho vay được xác định theo công thức: Lãi suất cho vay = Lãi suất cơ sở + biên độ 7%/năm. Lãi suất quá hạn là 24%/năm và lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm.

Đối với khoản vay thấu chi theo Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng tín dụng số 6145/2022/HĐTD/PVB-CNGĐ-TTB ngày 27/10/2022, cấp hạn mức thấu chi 15.000.000 đồng; ngày giải ngân là ngày 27/10/2022; thời hạn cho vay 12 tháng; mục đích vay là thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ, các khoản phải trả và các mục đích tiêu dùng hợp pháp khác. Lãi suất thấu chi tại thời điểm ký hợp đồng là 18%/năm. Lãi suất thấu chi được điều chỉnh 03 tháng/lần và do quyết định điều chỉnh hoặc không điều chỉnh trong từng thời kỳ, theo công thức: Lãi suất cho vay = Lãi suất cơ sở + biên độ 9,5%/năm. Lãi suất quá hạn là 30%/năm và lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm.

Đối với khoản vay thẻ tín dụng, bà Lê Thị Xuân T2 được phát hành thẻ tín dụng có số tài khoản thẻ tín dụng 0000000000538022, trạng thái thẻ hiện tại là "Warm card" (là trạng thái thẻ khi chủ thẻ chậm thanh toán sao kê từ 90 ngày trở lên), hạn mức thẻ 10.000.000 đồng, thẻ được phát hành ngày 25/10/2022, hết hạn ngày 30/11/2025, mục đích vay là tiêu dùng, lãi suất cho vay là 25%/năm.

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP Đ đã thực hiện giải ngân cho bà Lê Thị Xuân T2 tổng số tiền 165.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng). Tuy nhiên, sau khi được Ngân hàng cho vay, bà Lê Thị Xuân T2 đã không thực hiện trả nợ đúng quy định tại Hợp đồng. Đối với khoản vay trả góp bằng lương, bà T2 đã trả cho số tiền là 4.151.000 đồng (trong đó gốc là 2.333.000 đồng, lãi là 1.818.137 đồng). Đối với khoản vay thấu chi, bà T2 đã trả 40.941 đồng (trong đó gốc là 0 đồng, lãi là 40.941 đồng). Đối với khoản vay thẻ tín dụng, kể từ thời điểm bà Lê Thị Xuân T2 phát hành thẻ tín dụng cho tới hiện tại, tổng số tiền giao dịch đã phát sinh tại tất cả các kỳ sao kê là 62.467.665 đồng, tổng số tiền giao dịch đã thanh toán là 50.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện các thỏa thuận tín dụng nêu trên, bà Lê Thị Xuân T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thanh toán đầy đủ các khoản nợ gốc, lãi và phí theo thỏa thuận. Do đó, xác định bà Lê Thị Xuân T2 còn nghĩa vụ thanh toán đối với các khoản tín dụng nêu trên.

Tạm tính đến hết ngày 20/8/2026, số nợ khoản vay trả góp bằng lương là 257.851.252 đồng (trong đó: nợ gốc là 137.667.000 đồng; lãi trong hạn là: 50.092.231 đồng; lãi quá hạn là 58.052.963 đồng; lãi chậm trả là 12.039.058 đồng).

Số nợ khoản vay thấu chi là 31.832.803 đồng (trong đó: nợ gốc 15.000.000 đồng; lãi trong hạn là: 665.086 đồng; lãi quá hạn là 16.002.740 đồng; lãi chậm trả là 164.977 đồng).

Số nợ khoản vay thẻ tín dụng theo số tài khoản thẻ tín dụng là 62.417.665

đồng (trong đó: nợ gốc là 9.964.000 đồng; nợ lãi là: 17.037.253 đồng; phí chậm thanh toán là: 35.416.412 đồng).

Tổng số tiền bà Lê Thị Xuân T2 phải thanh toán đối với các khoản tín dụng nêu trên, tạm tính đến hết ngày 20/8/2026 là 352.101.720 đồng.

Nay hàng TMCP Đ () yêu cầu bà Lê Thị Xuân T2 có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 20/8/2026 là 352.101.720 đồng, trong đó nợ của khoản vay trả góp bằng lương là 257.851.252 đồng, nợ của khoản vay thấu chi là 31.832.803 đồng và nợ của khoản vay thẻ tín dụng là 62.417.665 đồng.

Ngoài ra, yêu cầu bà Lê Thị Xuân T2 tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/8/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng tín dụng số 6145/2022/HĐTD/PVB-CNGĐ-TTB ngày 27/10/2022 và các thỏa thuận tín dụng có liên quan.

2. Đối với bị đơn bà Lê Thị Xuân T2: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T2 nhưng bà T2 không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà T2 về việc giải quyết vụ án.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn không thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn theo hợp đồng đã ký kết. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Xét thấy nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ () yêu cầu bà Lê Thị Xuân T2 phải trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên căn cứ vào Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định Ngân hàng TMCP Đ () là nguyên đơn, bà Lê Thị

Xuân T2 là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Lê Thị Xuân T2 cư trú tại Số A, đường T, tổ E, khu phố D, phường T, tỉnh Đồng Nai (nay là tổ E, khu phố C, phường T, thành phố Đ), căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Bị đơn bà Lê Thị Xuân T2 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Xuân T2.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về yêu cầu thanh toán tiền gốc và lãi của Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng tín dụng số 6145/2022/HĐTD/PVB-CNGĐ-TTB ngày 27/10/2022:

Nguyên đơn buộc bị đơn bà Lê Thị Xuân T2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ () tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/8/2026 là 352.101.720 đồng (Ba trăm năm mươi hai triệu, một trăm lẻ một nghìn, bảy trăm hai mươi đồng).

Xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 27/10/2022, bà Lê Thị Xuân T2 có ký với Ngân hàng TMCP Đ Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 6145/2022/HĐTD/PVB-CNGĐ-TTB ngày 27/10/2022. Theo nội dung thỏa thuận, cấp tín dụng cho bà Lê Thị Xuân T2 dưới các hình thức gồm khoản vay trả góp bằng lương, khoản vay thấu chi và khoản vay thẻ tín dụng. Cụ thể, đối với khoản vay trả góp bằng lương có hạn mức cho vay 140.000.000 đồng, ngày giải ngân là ngày 27/10/2022, thời hạn cho vay 60 tháng, mục đích vay là tiêu dùng, phương thức thanh toán bằng tiền mặt; Đối với khoản vay thấu chi, cấp hạn mức thấu chi 15.000.000 đồng, ngày giải ngân là ngày 27/10/2022, thời hạn cho vay 12 tháng, mục đích vay là thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ, các khoản phải trả và các mục đích tiêu dùng hợp pháp khác; Đối với khoản vay thẻ tín dụng, bà Lê Thị Xuân T2 được phát hành thẻ tín dụng có số tài khoản thẻ tín dụng 0000000000538022, trạng thái thẻ hiện tại là "Warm card" (là trạng thái thẻ khi chủ thẻ chậm thanh toán sao kê từ 90 ngày trở lên), hạn mức thẻ 10.000.000 đồng, thẻ được phát hành ngày 25/10/2022, hết hạn ngày 30/11/2025, mục đích vay là tiêu dùng.

Trong quá trình thực hiện các thỏa thuận tín dụng nêu trên, bà T2 đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền đối với khoản vay trả góp bằng lương là 4.151.000 đồng (trong đó gốc là 2.333.000 đồng, lãi là 1.818.137 đồng). Đối với

khoản vay thấu chi, bà T2 đã trả 40.941 đồng (trong đó gốc là 0 đồng, lãi là 40.941 đồng). Đối với khoản vay thẻ tín dụng, kể từ thời điểm bà Lê Thị Xuân T2 phát hành thẻ tín dụng cho tới hiện tại, tổng số tiền giao dịch đã phát sinh tại tất cả các kỳ sao kê là 62.467.665 đồng, tổng số tiền giao dịch đã thanh toán là 50.000 đồng. Kể từ ngày 03/01/2023 cho đến nay, bà T2 không thanh toán cho Ngân hàng số tiền đã sử dụng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà T2 thực hiện nghĩa vụ nợ.

Như vậy, quá trình thực hiện hợp đồng trên, bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã cam kết. Do đó, việc Ngân hàng TMCP Đ () khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T2 phải trả số tiền nợ gốc, lãi, phí chậm thanh toán như trên theo Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng tín dụng số 6145/2022/HĐTD/PVB-CNGĐ-TTB ngày 27/10/2022 là có cơ sở.

[4.2] Hội đồng xét xử xét thấy, Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng tín dụng số 6145/2022/HĐTD/PVB-CNGĐ-TTB ngày 27/10/2022 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, giao dịch được thực hiện phù hợp các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 116, 117, 119, 385, 401, 463 Bộ luật Dân sự 2015. Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ đã thể hiện quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lê Thị Xuân T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng tín dụng số 6145/2022/HĐTD/PVB-CNGĐ-TTB ngày 27/10/2022. Vì vậy, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai buộc bà Lê Thị Xuân T2 phải trả tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 20/8/2026 là 352.101.720 đồng, bao gồm số tiền từ khoản vay trả góp bằng lương là 257.851.252 đồng (trong đó: nợ gốc là 137.667.000 đồng; lãi trong hạn là: 50.092.231 đồng; lãi quá hạn là 58.052.963 đồng; lãi chậm trả là 12.039.058 đồng); số tiền từ khoản vay thấu chi là 31.832.803 đồng (trong đó: nợ gốc 15.000.000 đồng; lãi trong hạn là: 665.086 đồng; lãi quá hạn là 16.002.740 đồng; lãi chậm trả là 164.977 đồng); số tiền từ khoản vay thẻ tín dụng theo số tài khoản thẻ tín dụng là 62.417.665 đồng (trong đó: nợ gốc là 9.964.000 đồng; nợ lãi là: 17.037.253 đồng; phí chậm thanh toán là: 35.416.412 đồng) là phù hợp Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà T2 nhưng bà T2 vẫn cố tình vắng mặt không lên Tòa án để trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện nên mặc

nhiên được xem là bà T2 thừa nhận việc ký hợp đồng và quá trình vay, trả nợ như trên với Ngân hàng TMCP Đ.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ, buộc bà Lê Thị Xuân T2 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn tạm tính đến hết ngày 20/8/2026 là 352.101.720 đồng (Ba trăm năm mươi hai, một trăm lẻ một nghìn, bảy trăm hai mươi đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Xuân T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.605.086 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 7.528.628 đồng (Bảy triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn, sáu trăm hai mươi tám đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001605 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ).

[6] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 227, 228, 266, 271, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, 117, 293, 299, 317, 319, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (nay là các Điều 100, 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024);

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ đối với bị đơn Lê Thị Xuân T2 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Bà Lê Thị Xuân T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền tính đến ngày 20/8/2026 là 352.101.720 đồng (Ba trăm năm mươi hai,

một trăm lẻ một nghìn, bảy trăm hai mươi đồng). Trong đó, số tiền từ khoản vay trả góp bằng lương là 257.851.252 đồng (bao gồm: nợ gốc là 137.667.000 đồng; nợ lãi là: 120.184.252 đồng); số tiền khoản vay thấu chi là 31.832.803 đồng (bao gồm: nợ gốc 15.000.000 đồng; nợ lãi là: 16.832.803 đồng); số tiền khoản vay thẻ tín dụng là 62.417.665 đồng (trong đó: nợ gốc là 9.964.000 đồng; nợ lãi là: 17.037.253 đồng; phí chậm thanh toán là: 35.416.412 đồng).

Kể từ ngày 21/8/2026, bà Lê Thị Xuân T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Đ thì lãi suất mà bà Lê Thị Xuân T2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng TMCP Đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Xuân T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.605.086 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 7.528.628 đồng (Bảy triệu năm trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi tám đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001605 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ).

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 của Luật thi hành án dân sự năm 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND TP. Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Các đương sự;
- THADS TP. Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ